

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Công Đa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

. Bà Lương Thị Hải - Cán bộ hưu trí (Nguyên là giáo viên);

. Ông Phạm Tám - Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện V.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1- Trần Ngọc Tr (tên gọi khác: M)** - sinh ngày 10/10/2001, tại V - Khánh Hòa; trú tại tổ dân phố số 6 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị T; tiền sự: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định 18/QĐ-TA ngày 23/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa, chấp hành xong ngày 28/02/2018; tiền án: Không; nhân thân: Bị xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo, theo Quyết định số 116/QĐ-XPHC ngày 14/5/2015 của Công an thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn, thời hạn 06 tháng, theo Quyết định số 136/UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, bị xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo, theo Quyết định số 140/QĐ-XPHC ngày 29/10/2015 của Công an thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, đều về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt.

**2- Ngô Văn Th (tên gọi khác: Q)** - sinh năm 1997, tại V - Khánh Hòa; nơi cư trú tổ dân phố số 04 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T1 và bà Nguyễn Thị H; tiền án - tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Ngọc Tr:*

+ Ông Trần Ngọc C - sinh năm 1974; trú tại tổ dân phố số 6 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, là cha bị cáo. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1976; trú tại tổ dân phố số 6 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, là mẹ bị cáo. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr:*

Bà Nguyễn Thị Anh T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị hại:*

Chị Đặng Thị Bích T3 - sinh năm 1989; trú tại tổ dân phố số 11 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Ngọc C - sinh năm 1974; trú tại tổ dân phố số 6 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1976; trú tại tổ dân phố số 6 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Ngô Văn T1 - sinh năm 1974; trú tại tổ dân phố số 4 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Lê Thị Mỹ H1 - sinh năm 1980; trú tại tổ dân phố số 5 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị Mỹ H2 - sinh năm 1993; trú tại tổ dân phố số 11 - thị trấn VG - huyện V - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 10/02/2019, Trần Ngọc Tr rủ Ngô Văn Th đi đến vỉa hè đường H- Đ (trước tiệm Kính mắt Sài Gòn) thuộc tổ dân phố số 5 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa để xem mọi người chơi “Tài - Xỉu”, Th đồng ý và sử dụng xe mô tô biển số 79V1 - 208.94 của gia đình chở Tr đi đến sông “Tài - Xỉu”. Đến nơi, Th dừng xe trên đường Đ cách sông “Tài - Xỉu” khoảng 10 mét rồi cả hai đi vào xem chơi “Tài - Xỉu”, thì Tr bảo Th ra xe đợi tí xíu rồi Tr ra đi về.

Nghe vậy, nên Th đi ra nơi dựng xe ngồi đợi. Lúc này, Tr thấy chị Đặng Thị Bích T3 đang đứng gần đó, trên tay cầm nhiều tờ tiền nên nảy sinh ý định cướp giật số tiền này. Tr tiếp cận từ phía sau và dùng tay phải giật lấy số tiền trên tay của chị T3 rồi nhanh chóng bỏ chạy về phía Th, đến nơi Tr thúc Th “chạy đi, chạy

đi”, Th đề nổ máy và điều khiển xe mô tô chở Tr chạy thoát. Khi đến khu vực biên thị trấn G thì Tr nói cho Th biết mình vừa cướp giật được tiền của một người phụ nữ tại sông “Tài - Xiu”. Tr tự mình đếm tiền cướp giật được 5.400.000đồng và rủ Th đến quán nhậu tại khu vực “Ruộng Đùi” thuộc tổ dân phố số 11 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa để ăn uống và hát karaoke do Tr chi trả từ số tiền vừa cướp giật được.

Dù biết rõ số tiền này là do Tr cướp giật được mà có nhưng Th vẫn đồng ý cùng Tr tiêu thụ số tiền này.

Bị hại chị Đặng Thị Bích T3 cho rằng số tiền chị bị cướp giật là 7.000.000đồng chứ không phải 5.400.000đồng.

Ông Trần Ngọc C là cha của Trần Ngọc Tr và Ngô Văn T1 đã bồi thường cho chị Đặng Thị Bích T3 mỗi người là 2.700.000đồng, tổng cộng là 5.400.000đồng thông qua chị Phan Thị Mỹ H2 là dâu của chị T3 nhận thay theo sự nhờ nhận thay của chị T3.

Ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Trần Ngọc Tr phải hoàn trả lại số tiền ông Trần Ngọc C đã trả cho bị hại thay cho bị cáo Tr.

Ông Ngô Văn T1 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 79V1 - 208.94. Ông T1 để xe ở nhà, Ngô Văn Th tự ý lấy đi ông T1 không biết, chiếc xe này không bị thu giữ và ông không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSVN, ngày 15 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố để xét xử Trần Ngọc Tr về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; Ngô Văn Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Ngọc Tr và bị cáo Ngô Văn Th đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b - h - s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc Tr, tuyên phạt bị cáo Tr từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b - h - i - s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn Th, tuyên phạt bị cáo Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr cho rằng:

Bị cáo Tr có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b - h - i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, mới học lớp 2 nhưng không phải là trường chính quy nên nhận thức kém, phạm tội nhất thời, nông nổi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, tuy vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Trần Ngọc C; bị hại chị Đặng Thị Bích T3; người làm chứng chị Lê Thị Mỹ H1, chị Phan Thị Mỹ H2. Nhưng họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Vì vậy, căn cứ Điều 292, Điều 293, Điều 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vạn Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc Tr và bị cáo Ngô Văn Th đều khai nhận hành vi của mình đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng số 40/CT-VKSVN ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 10/02/2019, tại khu vực vỉa hè trước tiệm “Kính mắt Sài Gòn” thuộc tổ dân phố số 5 - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, Trần Ngọc Tr đã có hành vi cướp giật của chị Đặng Thị Bích T3 số tiền 5.400.000đồng.

Và Ngô Văn Th biết rõ số tiền trên là tiền do Trần Ngọc Tr cướp giật của người khác mà có nhưng vẫn cùng Tr sử dụng, tiêu thụ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự thì:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Và tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Nên với hành vi trên đây của bị cáo Trần Ngọc Tr và bị cáo Ngô Văn Th thì:

Bị cáo Trần Ngọc Tr đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Và bị cáo Ngô Văn Th đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo Trần Ngọc Tr là nghiêm trọng; đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chị Đặng Thị Bích T3; gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo Ngô Văn Th đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm; đồng thời tạo điều kiện khuyến khích cho người khác đi vào con đường phạm tội.

Trần Ngọc Tr, tuy không có tiền án nhưng bị cáo là người đang có 01 tiền sự bị đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản và về nhân thân thì chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2015 bị cáo có 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo và 01 lần bị áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn đều về hành vi trộm cắp tài sản. Chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu, là người thích hưởng thụ bằng tài sản, công sức của người khác, coi thường kỷ cương pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

Ngô Văn Th, mặc dù biết rõ số tiền Tr có được là do cướp giật của người khác mà có nhưng Th vẫn cùng Tr sử dụng, tiêu thụ số tiền này. Vì vậy, nên cũng cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo này.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Th và gia đình bị cáo Tr đã tự nguyện bồi thường cho bị hại. Bị cáo Tr khi phạm tội cũng như hiện nay là người dưới 18 tuổi nên nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn nhiều hạn chế. Bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; không có tiền án - tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b - h - s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tr và áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Th để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo Th ra khỏi đời sống xã hội, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Th được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa, Hội đồng xét xử thấy:

Tuy bị cáo Tr là người dưới 18 tuổi và có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng về nhân thân thì bị cáo là người có nhân thân xấu; nhiều lần đã bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng bị cáo không khắc phục, vẫn tiếp tục phạm tội. Việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không có tác dụng cải tạo, giáo dục bị

cáo và đấu tranh phòng, ngừa tội phạm, nên không thể đáp ứng yêu cầu của người bào chữa.

[6] Chị Đặng Thị Bích T3 cho rằng số tiền chị bị cướp giật là 7.000.000đồng. Tuy nhiên, bị cáo Tr chỉ thừa nhận số tiền cướp giật là 5.400.000đồng, đồng thời hiện nay chị T3 không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu, không thể tiến hành đối chất làm rõ vấn đề này và quá trình điều tra vụ án chỉ chứng minh được số tiền cướp giật là 5.400.000đồng nên không đủ cơ sở để xác định chị T3 bị cướp giật số tiền 7.000.000đồng như chị khai.

[7] Ông Ngô Văn T1 để xe mô tô biển số 79V1- 208.94 ở nhà, Th tự ý lấy đi, sau đó dùng xe này chở bị cáo Tr đến sông “Tài - Xiu” và chở Tr chạy khỏi sông “Tài - Xiu” sau khi Tr cướp giật tài sản, đồng thời chở Tr cùng đi tiêu thụ tài sản cướp giật được nhưng ông T1 không biết việc trên, nên không có cơ sở để xử lý ông T1 về việc này.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, tuy bị hại chị Đặng Thị Bích T3, người làm chứng chị Phan Thị Mỹ H2 vắng mặt nhưng căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa và lời khai của chị H2 có tại hồ sơ vụ án thì trước khi chị T3 đi khỏi địa phương huyện V, chị T3 có dẫn chị H2 đến gặp bà T, chị T3 nhờ chị H2 ở nhà nhận thay cho chị số tiền bị cướp giật do bà T và bị cáo Th phải bồi thường cho chị là 5.400.000đồng, trong đó phần mỗi người bồi thường là 2.700.000đồng và chị T3 không còn yêu cầu gì khác. Số tiền này chị H2 đã được nhận đủ, nên Tòa không xem xét.

- Ông Trần Ngọc C đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.700.000đồng thay cho bị cáo Trần Ngọc Tr. Đây là tiền của ông C và bà Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa, ông C vắng mặt nhưng căn cứ lời khai của ông C có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bà T tại phiên tòa thì ông C và bà T không yêu cầu bị cáo Tr phải hoàn trả lại số tiền trên, nên Tòa không xem xét.

- Ông Ngô Văn T1 không yêu cầu các bị cáo Th, Tr phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô biển số 79V1- 208.94, nên Tòa không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Tr và bị cáo Ngô Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, với số tiền mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm b - h - s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trần Ngọc Tr.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Tr (tên gọi khác: M) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b - h - i - s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Ngô Văn Th.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn Th (tên gọi khác: Quậy) 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Giao bị cáo Ngô Văn Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Không xét về việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa bị cáo Trần Ngọc Tr và bị cáo Ngô Văn Th đối với chị Đặng Thị Bích T3 và đối với ông Ngô Văn T1.

+ Không xét về việc hoàn trả giữa bị cáo Trần Ngọc Tr đối với ông Trần Ngọc C và bà Nguyễn Thị T về số tiền ông Trần Ngọc C đã bồi thường cho chị Đặng Thị Bích T3 thay cho bị cáo Trần Ngọc Tr.

- Về án phí:

+ Bị cáo Trần Ngọc Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn).

+ Bị cáo Ngô Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn).

- Quyền kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Ngọc Tr (có mặt), người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Ngọc T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trần Ngọc Tr;
- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr;
  - Bị hại;
  - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
  - Hồ sơ THA;
  - Lưu: AV.

**Đỗ Công Đa**